

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/DS-ST

Ngày: 13/4/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kim;
2. Ông Đường Thanh Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP LV, (Sau đây gọi là Ngân hàng);

Địa chỉ: tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà T, số X, đường K, phường T1, quận K1, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: ông Phạm Doãn S – Tổng giám đốc đại diện.

Theo Quyết định số: 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP LV ủy quyền cho bà Trần Ngọc P – Giám đốc chi nhánh Bến Tre đại diện;

Địa chỉ: 368, Đại lộ K2, phường Y, Tp B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Anh Huỳnh Ngọc M, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: 368, Đại lộ K2, phường Y, Tp B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: 1. Anh Trần Thanh L, sinh năm: 1978;

2. Chị Đinh Thị H, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: 321/60, ấp T2, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Anh L, chị H vắng mặt; các đương sự khác có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 7 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Huỳnh Phúc V trình bày:

Anh Trần Thanh L và chị Đinh Thị H ký hợp đồng tín dụng số HĐTD25C2021009 ngày 20/01/2021 với Ngân hàng TMCP LV – Chi nhánh Bến Tre – Phòng giao dịch Mỏ Cày. Ngân hàng cho anh L, chị H vay tiền theo thỏa thuận sau đây:

Khoản vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên là 200.000.000 đồng; dư nợ gốc đến ngày 22/7/2022 là 200.000.000 đồng; mục đích vay để sản xuất cây kiềng; thời hạn hạn mức tín dụng là 36 tháng, từ ngày 20/01/2021 đến hết ngày 19/01/2024; thời hạn cho vay theo khế ước nhận nợ từ ngày 29/01/2022 đến hết ngày 25/01/2023; kỳ hạn trả nợ gốc vào cuối kỳ theo khế ước nhận nợ vào ngày 25/01/2023; kỳ hạn trả lãi vào ngày 30 hàng quý theo dư nợ thực tế, ngày trả lãi đầu tiên là ngày 30/3/2022.

Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất của anh L và chị H theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC25C2021008 ngày 20/01/2021 được ký kết giữa anh L, chị H với Ngân hàng số công chứng 124, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/01/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Ngọc T3. Cụ thể: phần đất thuộc thửa số 961, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.905m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 223057, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H05471 do Ủy ban nhân dân huyện L1 cấp ngày 22/3/2007, đã cập nhật điều chỉnh địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất thành ấp T2, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre, do điều chỉnh địa giới hành chính theo Nghị định số 08/2009/NĐ-CP của Chính phủ theo hồ sơ số 003667 ngày 12/6/2012.

Theo khế ước nhận nợ số 25C2021009 ngày 28/01/2021 định kỳ ngày 30 hàng tháng khách hàng phải thanh toán lãi cho Ngân hàng. Tuy nhiên, đến nay anh L, chị H không thực hiện đúng theo cam kết tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên. Anh L, chị H chưa thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi của kỳ thanh toán đến hạn từ ngày 30/6/2022 đến nay. Ngân hàng nhiều lần nhắc nợ quá hạn, làm việc trực tiếp anh L, chị H cam kết thanh toán tiền cho Ngân hàng nhưng không thực hiện.

Nay, Ngân hàng LV yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh L, chị H trả số tiền vốn là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn quá hạn là 7.592.030 đồng, lãi quá hạn là 36.387 đồng. Đồng thời yêu cầu anh L, chị H tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 23/7/2022 cho đến khi trả hết nợ. Lãi trong hạn, lãi quá hạn tính theo hợp đồng tín dụng số HĐTD25C2021009 ngày 20/01/2021 và khế ước nhận nợ số 25C2021009 ngày 28/01/2022. Thanh toán một lần ngay sau khi quyết định hoặc bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp anh L, chị H không trả được nợ cho Ngân hàng, yêu cầu Tòa án giải quyết cho Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC25C2021009 ngày 20/01/2021 để Ngân hàng thu hồi nợ.

Anh L, chị H đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Ngân hàng về nơi cư trú mới. Ngân hàng không có thông tin về nơi cư trú mới của anh L, chị H để cung cấp cho Tòa án. Ngân hàng yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung được quy định tại Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tại phiên tòa, Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hợp đồng hạn mức tín dụng có thời hạn 03 năm nhưng hàng năm khách hàng phải chứng minh khả năng trả nợ mới được vay tiếp. Cụ thể khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng này từ ngày 20/01/2021 đến ngày 19/01/2022, anh L, chị H đã trả xong nợ. Từ ngày 29/01/2022 đến ngày 25/01/2023, anh L, chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên ngân hàng khởi kiện để thu hồi nợ. Hợp đồng hạn mức tín dụng là để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng có thể tiếp tục vay mà không phải đăng ký lại thủ tục thế chấp. Khoản vay ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh L, chị H trả nợ là theo “Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 25C2021009/02 ngày 28/01/2022. Hợp đồng hạn mức tín dụng có những điều khoản ràng buộc nghĩa vụ của khách hàng với khế ước nhận nợ chứ không tách rời hợp đồng hạn mức tín dụng với khế ước nhận nợ.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, anh L, chị H còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền là 230.079.053 đồng; trong đó: tiền vốn là 200.000.000 đồng; tiền lãi quá hạn là 30.079.053 đồng. Đồng thời anh L, chị H tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 14/3/2023 đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn tại hợp đồng tín dụng. Trường hợp anh L, chị H không trả nợ thì ngân hàng được phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Linh, chị Hoa vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay không có lý do.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 323, 357, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP LV, buộc anh L, chị H có nghĩa vụ trả nợ vay tín dụng số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi (gồm lãi trong hạn và quá hạn theo quy định).

+ Trường hợp anh L, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn được quyền liên hệ cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo đúng quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 22/7/2023, Ngân hàng TMCP LV – Chi nhánh Bến Tre – Phòng giao dịch Mỏ Cày khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh L, chị H trả cho Ngân hàng số nợ còn thiếu là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn quá hạn là 7.592.030 đồng, lãi quá hạn là 36.387 đồng đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 23/7/2022 đến ngày anh L, chị H trả hết nợ với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số HĐTD25C2021009 ngày 20/01/2021. Trường hợp anh L, chị H không trả nợ, Ngân hàng yêu cầu được yêu cầu Chi cục thi hành án huyện B phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trần Thanh L và chị Đinh Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa hôm nay. Xét thấy, tại “Hợp đồng hạn mức tín dụng” số HĐTD25C2021009 ngày 20/01/2021 và “Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ” ngày 28/9/2022 ký kết giữa Ngân hàng và anh L, chị H thể hiện địa chỉ của anh L, chị H tại ấp T2, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên, sau đó anh L, chị H thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng với Ngân hàng mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới, thể hiện tại Công văn số: 512/CV-TA ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc và “Biên bản xác minh” ngày 17/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tại Công an xã M xác định: anh L, chị H vẫn còn đăng ký thường trú tại 321/60, ấp T2, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre nhưng hiện nay anh L, chị H không còn sinh sống tại địa chỉ nêu trên. Mặt khác, Tòa án đã yêu cầu Ngân hàng cung cấp địa chỉ mới hiện nay của anh L, chị H đang sinh sống cho Tòa án nhưng Ngân hàng không cung cấp được. Từ các căn cứ nêu trên có cơ sở xác định anh L, chị H cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử vắng mặt anh L, chị H là phù hợp với quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6

Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] *Đối với yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu anh L, chị H trả cho Ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng vốn và tiền lãi:*

Theo Ngân hàng LV: ngày 20/01/2021, anh L, chị H đã ký hợp đồng tín dụng số HDTD25C2021009 với Ngân hàng vay số tiền là 200.000.000 đồng, lãi suất 12,9%/năm (lãi quá hạn là 19,35%/năm); thời hạn vay 36 tháng (từ ngày 20/01/2021 đến hết ngày 19/01/2024), mục đích vay để sản xuất cây kiểng; kỳ hạn trả nợ gốc vào cuối kỳ theo khế ước nhận nợ vào ngày 25/01/2023; kỳ hạn trả lãi vào ngày 30 hàng quý theo dư nợ thực tế, ngày trả lãi đầu tiên là ngày 30/3/2022. Hợp đồng hạn mức tín dụng trên có thời hạn 03 năm nhưng hàng năm khách hàng phải chứng minh khả năng trả nợ mới được vay tiếp. Cụ thể khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng này từ ngày 20/01/2021 đến ngày 19/01/2022, anh L, chị H đã trả xong nợ. Từ ngày 29/01/2022 đến ngày 25/01/2023, anh L, chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên ngân hàng khởi kiện để thu hồi nợ theo “Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 25C2021009/02 ngày 28/01/2022. Cụ thể: từ ngày anh L, chị H vay tiền theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ vừa nêu không trả cho Ngân hàng tiền lãi theo thỏa thuận và tiền vốn khi đến hạn. Anh L, chị H còn nợ của Ngân hàng số tiền là 200.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 30.079.053 đồng. Ngân hàng yêu cầu anh L, chị H trả số tiền vốn và lãi nêu trên và tiếp tục tính lãi cho đến khi anh L, chị H trả hết nợ. Trường hợp anh L, chị H không trả nợ, Ngân hàng yêu cầu được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án huyện B phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Chứng cứ chứng minh giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, hợp đồng hạn mức tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ hộ khẩu và giấy chứng nhận kết hôn của anh L, chị H.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng, anh L, chị H vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nên không có lời trình bày và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Xét thấy, tại “Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ” số 25C2021009/02 ngày 28/01/2022 thể hiện: Ngân hàng đã giải ngân cho anh L, chị H vay số tiền 200.000.000 đồng, kỳ hạn trả nợ gốc vào cuối kỳ theo khế ước nhận nợ vào ngày 25/01/2023; kỳ hạn trả lãi vào ngày 30 hàng quý theo dư nợ thực tế, ngày trả lãi đầu tiên là ngày 30/3/2022. Tuy nhiên, ngày 25/4/2022, anh L, chị H mới trả tiền lãi kỳ trả đầu tiên cho ngân hàng số tiền là 3.509.589 đồng, từ đó đến nay không trả tiền lãi theo thỏa thuận và vốn khi đến hạn. Ngày 01/4/2023, trong tài khoản của anh L, chị H còn số tiền 84.718 đồng nên ngân hàng đã trừ số tiền này vào tiền lãi còn nợ. Tổng số tiền lãi anh L, chị H đã trả cho ngân hàng là 3.594.307 đồng. Theo anh M, đại diện cho ngân hàng xác định anh L, chị H chưa trả số tiền vốn là 200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 30.079.053 đồng. Tổng cộng anh L và chị H còn nợ của ngân hàng là 230.079.053 đồng. Anh L, chị H đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt

nên Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Theo hồ sơ không có chứng cứ chứng minh anh L, chị H đã trả số tiền nợ trên đây cho ngân hàng nên có căn cứ xác định anh L, chị H còn nợ của ngân hàng tổng số tiền là 230.079.053 đồng như đại diện của ngân hàng trình bày. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Cần buộc anh L, chị H có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 230.079.053 đồng; trong đó: tiền vốn là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 30.079.053 đồng.

[3] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc trường hợp anh L, chị H không trả nợ được yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ:

Theo Ngân hàng: ngày 20/01/2021, để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, anh L, chị H đã thế chấp cho Ngân hàng phần đất thuộc thửa số 961, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.905m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 223057, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H05471 do Ủy ban nhân dân huyện L1 cấp ngày 22/3/2007 cho anh L, chị H, đã cập nhật điều chỉnh địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất thành ấp T2, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre, do điều chỉnh địa giới hành chính theo Nghị định số 08/2009/NĐ-CP của Chính phủ theo hồ sơ số 003667 ngày 12/6/2012. Việc thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định tại Điều 4, 5 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đăng ký biện pháp bảo đảm nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực. Trường hợp anh L, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện B phát mãi tài sản thế chấp là phần đất có diện tích 1.905m², thuộc thửa số 961, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp T2, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre do anh L, chị H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thu hồi nợ.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Anh L, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 11.504.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 4, 5 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc anh Trần Thanh L và chị Trần Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho

Ngân hàng TMCP LV, theo Quyết định số: 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP LV ủy quyền cho bà Trần Ngọc P – Giám đốc chi nhánh Bến Tre đại diện; tổng số tiền là 230.079.053đ (Hai trăm ba mươi triệu không trăm bảy mươi chín ngàn không trăm năm mươi ba đồng). Trong đó: tiền vốn là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), tiền lãi 30.079.053đ (Ba mươi triệu không trăm bảy mươi chín ngàn không trăm năm mươi ba đồng).

2. Trường hợp anh Trần Thanh L, chị Đinh Thị H, không trả nợ cho Ngân hàng TMCP LV, theo Quyết định số: 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP LV ủy quyền cho bà Trần Ngọc P – Giám đốc chi nhánh Bến Tre đại diện, thì Ngân hàng TMCP LV, theo Quyết định số: 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP LV ủy quyền cho bà Trần Ngọc P – Giám đốc chi nhánh Bến Tre đại diện, có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện B phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC25C2021009 ngày 20/01/2021 là phần đất có diện tích 1.905m², thuộc thửa số 961, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp T2, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 223057, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H05471 do Ủy ban nhân dân huyện L1 cấp ngày 22/3/2007 cho anh Trần Thanh L, chị Đinh Thị H, đã cập nhật điều chỉnh địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất thành ấp T2, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre, do điều chỉnh địa giới hành chính theo Nghị định số 08/2009/NĐ-CP của Chính phủ theo hồ sơ số 003667 ngày 12/6/2012, để thu hồi nợ.

3. Về án phí: anh Trần Thanh L và chị Đinh Thị H có trách nhiệm liên đới phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 11.504.000đ (Mười một triệu năm trăm lẻ bốn ngàn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP LV, theo Quyết định số: 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP LV ủy quyền cho bà Trần Ngọc P – Giám đốc chi nhánh Bến Tre đại diện, số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.200.000đ (Năm triệu hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0000530 ngày 25/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trần Thanh L và chị Đinh Thị H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục THA DS huyện B;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trung